

Bản án số: 111/2023/HS-PT

Ngày: 27-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Bà Trần Thị Hà

- Thư ký phiên toà: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 141/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Trương Thị M, do có kháng cáo của bị cáo Trương Thị M đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: Trương Thị M, sinh năm 1983; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không; địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 06/12; chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Trương Văn G, sinh năm 1953 và bà Ninh Thị C, sinh năm 1954 (đã chết); gia đình bị cáo có 09 anh, chị em ruột, bị cáo là thứ sáu; có chồng là Lục Văn H, sinh năm 1982; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con bé sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 23/8/2022 đến ngày 31/8/2022, áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/8/2022. Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hoàng Thị Bích L - Luật sư trợ giúp pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

- Bị hại: Chị Ninh Thị B, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngoài ra, trong vụ án còn có một số người tham gia tố tụng khác nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4 năm 2022, Trương Thị M biết việc chị Ninh Thị Bình là người có quan hệ tình cảm bất chính với anh Lục Văn H (là chồng M). M đã dùng tài khoản facebook tên “M Truong” nhắn tin đến tài khoản facebook của chị B tên “Yên B” đe dọa và đòi chị B số tiền 10.000.000 đồng, chị B nói chỉ có 5.000.000 đồng thì M tiếp tục yêu cầu chị B đưa cho M số tiền 6.000.000 đồng để bồi dưỡng sức khỏe cho con gái M và bồi thường danh dự của M. Thấy chị B không chuyển tiền, M đã nhắn tin cho chị B đe dọa nếu chị B không chuyển tiền sẽ gọi người đến nhà chị B nói chuyện với bố mẹ chồng, chồng chị B và sẽ đánh chị B, chụp ảnh, quay video, phát trực tiếp lên mạng xã hội để mọi người biết chị B có quan hệ bất chính với chồng M. Do sợ hãi, nên ngày 09/6/2022, chị B đã dùng tài khoản ngân hàng Vietcombank số tài khoản 1013120043 mang tên Ninh Thị B chuyển vào tài khoản ngân hàng Viettinbank số tài khoản 100872147916 mang tên Trương Thị M số tiền 6.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 7 năm 2022, M tiếp tục dùng tài khoản zalo của M tên “Gái Quê Lười Biếng” nhắn tin cho chị B có tài khoản zalo tên “Bình M”, M có lưu tên danh bạ là “Con Diên” đe dọa và tiếp tục đòi chị B số tiền 2.000.000 đồng, M nói là tiền 02 năm anh H đã cho chị B, nếu không đưa sẽ đăng lên mạng xã hội thông tin chị B có quan hệ bất chính với chồng M. M đã dùng facebook của mình đăng lên mạng xã hội facebook hình ảnh và tin nhắn với chị B với nội dung “Đồ chó cái nếu ko vì mày thì gia đình tao đâu có như thế này... mọi người bảo phải sử con chó này thế nào nhỉ”, sau đó M đã xóa đi. Do bị đe dọa, nên ngày 23/8/2022, chị B đã gọi cho M hẹn gặp tại thôn Phổ Biễn, xã Biễn Động, huyện Lục Ngạn để đưa số tiền 2.000.000 đồng cho M. Khoảng 11 giờ 05 phút cùng ngày, khi M vừa nhận số tiền 2.000.000 đồng của chị Bình thì bị Tổ công tác Đội cảnh sát hình sự công an huyện Lục Ngạn phát hiện bắt quả tang. Quá trình bắt quả tang, Tổ công tác đã tiến hành thu giữ của M: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu xanh - trắng, biển kiểm soát: 98B1-840.45; số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) gồm 10 (mười) tờ tiền VNĐ mệnh giá 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) là tiền M chiếm đoạt của chị B; 01 (một) thẻ ngân hàng ViettinBank số 9704151554184086; 01 (một) thẻ ngân hàng ViettinBank số 9704150114223517; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV số 9704180000043180330 các thẻ ngân hàng đều mang tên Trương Thị M; 01 (một) điện thoại di động OPPO A37fw màu vàng, cũ, đã qua sử dụng, ốp lưng bằng nhựa màu đen trắng có in hoa văn;

Ngày 23/8/2022, chị Ninh Thị B có đơn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đề nghị giải quyết, đồng thời chị Bình giao nộp các đồ vật, tài liệu gồm:

- 01 (một) Chứng từ giao dịch mã VAT 0100 112 437-073, giao dịch chuyển tiền vào tài khoản số 100 872 147 916 mang tên Trương Thị M tại ngân hàng Viettinbank, thời gian giao dịch vào 09 giờ 22 phút ngày 09 tháng 6 năm 2022 (bản sao). Tài liệu trên mang tên "TK" là Ninh Thị B.

- 209 (Hai trăm linh chín) bản ảnh phôi tô, trao đổi liên lạc qua ứng dụng Zalo giữa tên tài khoản "Tr. Th. M" là của Trương Thị M và tên tài khoản "Bình M" là của Ninh Thị B.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đen, đã qua sử dụng.

Ngày 23/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành kiểm tra trong xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu xanh - trắng, biển kiểm soát 98B1-840.45: Không phát hiện đồ vật, tài sản liên quan.

Ngày 28/8/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L tiến hành kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Oppo A37w màu vàng, cũ, đã qua sử dụng, ốp màu đen trắng in hình hoa văn: Đã tiến hành chụp ảnh các cuộc hội thoại trong ứng dụng Messenger, Zalo và lập bản ảnh.

Ngày 14/10/2022, Trương Thị M tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L 01 (một) bản sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 09/6/2022 đến ngày 13/10/2022 của tài khoản số 100 872 147 916 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Cùng ngày, chị Ninh Thị B giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn 01 (một) bản sao kê chi tiết giao dịch từ ngày 09/6/2022 đến ngày 13/10/2022 của tài khoản số 1013 120 043 của Ngân hàng Vietcombank.

Ngày 02/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện L đã tiến hành kiểm tra điện thoại nhãn hiệu Oppo, màu đen của chị Ninh Thị B: Không phát hiện nội dung tin nhắn giữa chị B và M trên ứng dụng facebook do chị B đã xóa trước đó.

Quá trình điều tra anh Lục Văn H và chị Ninh Thị B thừa nhận có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau, tuy nhiên đến thời điểm tháng 3 năm 2021 cả hai đã chấm dứt việc chung sống với nhau. Do đó, đến tháng 4/2022 thời điểm xảy ra vụ án, hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng của anh H và chị B đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, do đó không đặt ra xem xét xử lý.

Đối với anh Lục Văn H, quá trình điều tra xác định khi M nhắn tin đe dọa cưỡng đoạt tiền của chị B, anh H không biết và không được bàn bạc, tham gia với M. Do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với anh Lục Văn H là có căn cứ.

Quá trình M nhắn tin với chị B, M nhắc đến một người phụ nữ tên O đe dọa B, quá trình điều tra xác định người phụ nữ này là chị Lục Thị L, sinh năm 1977, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện L (chị gái của chồng M). Qua điều tra xác định M chỉ nhắc tên chị L để đe dọa chị B vì chị L cùng thôn với chị B. Bản thân chị L không biết việc M đe dọa chị B cũng không được bàn bạc, xúi giục M cưỡng đoạt

tài sản của chị B. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Lục Thị L là có căn cứ.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu xanh - trắng, biển kiểm soát: 98B1-840.45, số khung: RLCR55P10DY284786, số máy: 55P1284799 đã thu giữ của M. Chiếc xe thuộc sở hữu của anh Lục Văn H (là chồng M). Anh H không biết việc M lấy xe mô tô đi và sử dụng vào việc phạm tội.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) gồm 10 (mười) tờ tiền VNĐ mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), là tài sản M đã cưỡng đoạt của chị B ngày 23/8/2022.

Về vật chứng của vụ án:

Ngày 24/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 115/QĐ-CQĐT:

+ Trả lại cho anh Lục Văn H 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu xanh - trắng, biển kiểm soát: 98B1-840.45.

+ Trả lại cho chị Ninh Thị B: Số tiền 2.000.000đ , gồm 10 (mười) tờ tiền VNĐ mệnh giá 200.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng.

+ Trả lại cho Trương Thị M: 01 (một) thẻ ngân hàng ViettinBank số 9704151554184086; 01 (một) thẻ ngân hàng ViettinBank số 9704150114223517; 01 (một) thẻ ngân hàng BIDV số 9704180000043180330;

- Đối với 01 (một) điện thoại di động OPPO A37fw, màu vàng, đã cũ, đã sử dụng, lắp ốp màu đen - trắng, in hình hoa văn là điện thoại của M dùng để nhắn tin đe dọa chiếm đoạt tài sản của chị B chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án huyện L để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo M đã bồi thường cho bị hại chị Ninh Thị B số tiền 6.000.000 đồng, chị B đã nhận đủ và không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Đồng thời chị B đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo M.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Thị M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Với nội dung trên Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị M 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/3/2023, bị cáo Trương Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo không đúng bản chất sự việc, bị cáo bị oan, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và

hủy bản án sơ thẩm để lấy lại công bằng cho bị cáo.

Ngày 06/7/2023 bị cáo Trương Thị M thay đổi nội dung kháng cáo ngày 31/3/2023. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, không kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trương Thị M giữ nguyên yêu cầu thay đổi kháng cáo xin được giảm hình phạt và xin hưởng án treo và đồng ý với trình bày của luật sư: Bản án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là đúng, không oan. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã ân hận về hành vi của mình, đã thành khẩn khai báo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi con nhỏ, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở nơi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn hiểu biết pháp luật hạn chế, ở địa phương luôn chấp hành tốt chính sách của pháp luật và Nhà nước, bị cáo có nộp đơn xác nhận của UBND xã P, huyện L về việc bị cáo ủng hộ quỹ vì người nghèo. Do bức xúc chồng bị cáo có quan hệ bất chính với chị B nên bị cáo đòi chị B 10.000.000 đồng để bồi thường chi phí mà chồng bị cáo đã trả tiền mỗi lần đi với chị B, ban đầu chị B chuyển số tiền 06 triệu đồng vào tài khoản cho bị cáo, sau đó bị cáo bảo đưa thêm 2 triệu đồng, khi đưa bị bắt, nên khẳng định bị cáo không phạm tội nhiều lần như bản án sơ thẩm đánh giá. Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo để sửa chữa sai lầm và có điều kiện chăm sóc các con.

Bị hại Ninh Thị B trình bày: Chị đồng ý xin giảm hình phạt cho bị cáo M vì ở cấp sơ thẩm chị cũng xin cho bị cáo, chị cũng có lỗi quan hệ với chồng M. Ban đầu bị cáo M đòi chị 10 triệu đồng, chị không có tiền nên nói 1 nửa là 5 triệu đồng có được không, nhưng M đòi thêm 1 triệu nữa là 6 triệu thì mới xóa hết tin nhắn. Sau khi chị chuyển số tiền 06 triệu đồng thì M đòi thêm 2 triệu nữa, do sợ bị cáo M đòi thêm nên mới báo công an. Chị khẳng định M đòi chị số tiền 10 triệu đồng do chị không đưa đủ 10 triệu nên có thể M sẽ đòi tiếp nên báo Công an huyện L để bắt. Mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Bị cáo Trương Thị M bị xét xử về tội Cưỡng đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Ban đầu bị cáo kêu oan nhưng sau đó đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã thay đổi kháng cáo xin được giảm án và xin hưởng án treo.

Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo. Bị cáo và Luật sư trợ giúp viên pháp lý đề nghị xem xét. Thì thấy Tại phiên tòa căn cứ trình bày của chị B và đơn giải trình ban đầu cũng như lời khai tại cơ quan công an của chị B đã thể hiện rõ việc bị cáo M yêu cầu chị B phải chuyển cho bị cáo 10 triệu đồng để bồi thường danh dự cho bị cáo, chị B đồng ý. Đến ngày 9/6/2022, chị B đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng qua tài khoản của bị cáo; sau đó bị cáo đã tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị B chuyển thêm 2.000.000 đồng nữa trong số 10.000.000 đồng; xác định bị cáo Trương Thị M không thực hiện hành

vi phạm tội 02 lần; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về kháng cáo xin hưởng án treo: Bị cáo Trương Thị M có nơi cư trú rõ ràng; bản thân bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các chính sách tại địa phương, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là người dân tộc thiểu số nên sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét về nguyên nhân xảy ra vụ án do có phần lỗi của chị Ninh Thị B là người bị hại đã vi phạm chế độ một vợ một chồng với anh H (chồng của bị cáo); bị cáo đã trả số tiền 6.000.000 đồng cho chị B, chị B đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm Bị cáo xuất trình tài liệu mới, có tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, được chính quyền địa phương đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với các quy định tại Điều 65 và tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo thấy để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội nên cần xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo cho hưởng án treo của bị cáo Trương Thị M. Về đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị M. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Thị M 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo M cho UBND xã P, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Bị cáo M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Luật sư Hoàng Thị Bích L bảo vệ cho bị cáo M: Đồng ý với quan điểm của đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc cho bị cáo M được hưởng án treo.

Bị cáo M là người hiểu biết hạn chế, gia đình hoàn cảnh khó khăn là lao động chính, nuôi ba con nhỏ, bị cáo là người dân tộc sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nguyên nhân xảy ra sự việc có một phần lỗi của bị hại nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có đơn trình bày được địa phương xác nhận xem xét cho bị cáo.

Bị cáo M không thuộc trường hợp phạm tội 2 lần trở nên như Bản án sơ thẩm đã xác định. Số tiền 02 triệu đồng đưa lần sau là khoản tiền trong số tiền 10 triệu đồng như bị cáo M đã yêu cầu ban đầu việc này thể hiện trong đơn trình báo

và bản khai của chị B (bút lục 245, 246), lời khai của chị B tại phiên tòa và tin nhắn bị cáo M gửi cho chị B (Bút lục 106,138,139, 178-179). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trương Thị M.

Chị Ninh Thị B: Không có ý kiến tranh luận gì. Xin giảm án cho bị cáo Trương Thị M và đồng ý với ý kiến của Viện kiểm sát và luật sư.

Bị cáo Trương Thị M nói lời sau cùng: Bị cáo ân hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để được sửa chữa sai lầm và chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là đơn kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo thấy:

Về tội danh: Khoảng 11 giờ 05 phút ngày 23/8/2022 tại thôn P, xã B, huyện L, Tổ công tác Đội cảnh sát hình sự công an huyện L phát hiện bắt quả tang Trương Thị M đang có hành vi cưỡng đoạt tài sản của chị Ninh Thị B số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Trước đó, M đã đe dọa, tung tin, hình ảnh gia đình chị B lên mạng xã hội về việc chị B có quan hệ bất chính với chồng của M là anh Lục Văn H phải đưa tiền cho M 10.000.000 đồng. Ngày 09/6/2022, M đã nhận của chị B số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Tổng số tiền Trương Thị M đã cưỡng đoạt của chị Ninh Thị B là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm và vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện L xét xử bị cáo Trương Thị M về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về hình phạt: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp, đúng quy định nên kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy:

Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 2 lần trở lên” điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự mà bản án sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo. Tại phiên tòa Bị cáo và Luật sư trợ giúp viên pháp lý đề nghị xem xét bị cáo M

không phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa căn cứ trình bày của chị B và đơn giải trình ban đầu cũng như lời khai tại cơ quan Công an huyện L của chị B đã thể hiện rõ việc bị cáo M yêu cầu chị B phải chuyển cho bị cáo 10 triệu đồng để bồi thường danh dự cho bị cáo, chị B đồng ý. Đến ngày 9/6/2022, chị B đã chuyển số tiền 6.000.000 đồng qua tài khoản của bị cáo; sau đó bị cáo đã tiếp tục nhắn tin yêu cầu chị B chuyển thêm 2.000.000 đồng nữa trong số 10.000.000 đồng. Do đó xác định bị cáo Trương Thị M không thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên. Do vậy, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của Luật sư trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa là có căn cứ.

Về các tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với bị cáo, thì thấy: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Thị M có nơi cư trú rõ ràng, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo và gia đình luôn chấp hành tốt các chính sách tại địa phương, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và là người dân tộc thiểu số nên sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Xét về nguyên nhân xảy ra vụ án do có phần lỗi của chị Ninh Thị B là người bị hại đã vi phạm chế độ một vợ một chồng với anh H (chồng của bị cáo); bị cáo đã trả số tiền 6.000.000 đồng cho chị B, chị B đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm Bị cáo xuất trình tài liệu mới, có tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, được chính quyền địa phương đề nghị giảm nhẹ hình phạt, ngoài ra, chị B là người bị hại tại phiên tòa tiếp tục xin giảm hình phạt cho bị cáo và đồng ý với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối chiếu với các quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/04/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo. Để đảm bảo tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, không cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội, mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Trương Thị M, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Thị M, sửa bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Thị M 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Trương Thị M cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Trương Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- STP tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS huyện L;
- UBND xã P, huyện L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

